

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/DS-ST
Ngày 30 – 12 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng hợp đồng
vay tài sản

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Chuộng

Ông Trịnh Khởi Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 487/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Hồng H; Sinh năm 1972; Cư trú tại: Ấp Nh C, xã Q P B, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn V; Sinh năm 1973; Cư trú tại: Ấp Nh C, xã Q P B, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết bà Lâm Hồng H trình bày:*

Ông Huỳnh Văn V có tham gia hợp đồng do bà Lâm Hồng H làm chủ cụ thể như sau:

- Dây hợp đồng 5.000.000 đồng/tháng, có 30 chứng, ông V tham gia 01 chứng, mở ngày 15/6/2017 al, hợp đồng mãn ngày 15/11/2019 al. Ngày 15/6/2017al ông V bỏ hợp đồng, sau khi hết hợp đồng ông V đóng đến ngày 15/9/2018al thì ngưng không đóng đến nay và nợ lại dây hợp đồng này số tiền 5.000.000 đồng x 15 lần = 75.000.000 đồng.

- Dây hợp đồng 2.000.000 đồng/tháng, có 33 chứng, ông V tham gia 01 chứng, mở ngày 15/8/2017 al, hợp đồng mãn ngày 15/4/2020 al. Ngày 15/10/2017al ông V bỏ

hội hốt, sau khi hốt hội ông V đóng đến ngày 15/5/2018al thì ngưng không đóng đến nay và nợ lại đây hội này số tiền 2.000.000 đồng x 11 lần = 22.000.000 đồng.

- Đây hội 2.000.000 đồng/tháng, có 43 chung, ông V tham gia 01 chung, mở ngày 05/5/2019 al, hội mãi ngày 15/10/2022 al. Ngày 05/7/2019al ông V bỏ hội hốt, sau khi hốt hội ông V đóng đến ngày 05/9/2019al (đơn kiện đề năm 2018 là nhầm lẫn) thì ngưng không đóng đến nay và nợ lại đây hội này số tiền 2.000.000 đồng x 25 lần = 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông V phải đóng hội cho bà H là 147.000.000 đồng, đến ngày 05/7/2019 al, ông V thanh toán cho bà H số tiền 51.000.000 đồng (đây là số tiền hốt chung hội 2.000.000 đồng có 43 chung nêu trên để cản trừ qua, việc cản trừ hội này có sự thống nhất của bà và ông V). Sau khi hốt chung hội 2.000.000 đồng ngày 05/9/2019 al thì ông V ngưng không không thanh toán, không đóng hội đến nay.

Quá trình khởi kiện bà Lâm Hồng H yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn V trả số tiền hội là 96.000.000 đồng.

Sau đó, bà H có cung cấp hai giấy biên nhận nợ tiền hội do ông V ký nợ hội của bà cụ thể như sau:

- Biên nhận thứ nhất tờ giấy ghi “Tờ tự ghi nhận thiếu tiền hội”: do bà H tự viết, sau đó ông V xem và ký vào. Chỗ ghi số tiền thiếu 46.000.000 đồng là do đến khi chốt biên nhận ngày 05/7/2019al, chung hội 5.000.000 đồng ông V nợ là 46.000.000 đồng nợ hội chưa đóng, đồng thời nợ còn lại 30.000.000 đồng tính đến mãi; cộng thêm chung hội 2.000.000 đồng còn thiếu 22.000.000 đồng, biên nhận thiếu tổng là 98.000.000 đồng và ghi rõ hốt chung hội 2.000.000 đồng tham gia sau để cản trừ hội củ là 50.460.000 đồng (trong đơn kiện bà H đã tính tròn cho ông V 51.000.000 đồng). Do đó, cản trừ hội củ thì biên nhận này ông V còn nợ là 47.000.000 đồng.

- Biên nhận thứ hai ghi “V thiếu tiền hội 2.000”: Do bà H tự viết, sau đó ông V xem ký vào. Chung hội này tham gia sau sau khi đối trừ tiền hốt hội của chung hội này như trên thì số tiền hội chết ông V phải thanh toán là 48.000.000 đồng.

Do đó, tổng hai biên nhận số tiền nợ hội của ông V là 95.000.000 đồng. Nay, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông V trả số tiền nợ hội theo hai biên nhận là 95.000.000 đồng.

** Ông Huỳnh Văn V trình bày:*

- Đối với chung hội 5.000.000 đồng, có 30 chung, về thời gian mở hội, số chung hội, thời gian hốt là đúng. Tuy nhiên, chung hội này ông V xác định chỉ còn nợ lại 5 lần chưa đóng với số tiền 25.000.000 đồng.

- Đối với chung hội 2.000.000 đồng, có 33 chung, về thời gian mở hội, số chung hội, thời gian hốt là đúng. Chung hội này ông V xác định chỉ còn nợ lại 11 lần chưa đóng với số tiền 22.000.000 đồng.

- Đối với chung hội 2.000.000 đồng, có 43 chung, về thời gian mở hội, số chung hội, thời gian hết là đúng. Tuy nhiên, chung hội này ông V xác định ông có thỏa thuận với bà H hết chung hội này để đóng qua số tiền hội chết nợ hai chung nêu trên là 47.000.000 đồng. Khi hết được chung hội này với số tiền gần 51 triệu đồng, bà H tính 51.000.000 đồng ông cũng đồng ý, đối trừ thì bà H còn nợ ông số tiền hội 51.000.000 đồng – 47.000.000 đồng còn là 4.000.000 đồng. Sau đó số tiền hội chết ông V phải đóng lại chung hội này là 50.000.000 đồng thì trừ 4.000.000 đồng nêu trên, ông chỉ còn nợ lại bà H 46.000.000 đồng tiền hội.

Do đó, ông V chỉ đồng ý trả lại bà H 46.000.000 đồng tiền hội. Ngoài 3 chung hội nêu trên ông V không tham gia của bà H chung hội nào khác. Đối với hai biên nhận này đúng là chữ ký viết tên của ông, biên nhận do bà H lập. Thời gian ký và nội dung biên nhận ông không nhớ rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lâm Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Huỳnh Văn V đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà H khởi kiện yêu cầu ông V trả lại số tiền hội. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Bà H làm đầu thảo hội và ông V là hội viên tham gia của bà H ba chung hội cụ thể: loại 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/6/2017 al; loại hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15/8/2017 al; loại hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 05/5/2019 al.

Đối với hai chung hội loại 2.000.000 đồng ông V thừa nhận nợ như bà H trình bày là đúng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với chung hội 5.000.000 đồng bà H cho rằng ông V nợ lại 15 lần chưa đóng với số tiền 75.000.000 đồng, ông V xác định chỉ còn 5 lần chưa đóng với số tiền 25.000.000 đồng. Ông V cho rằng có theo dõi số chung hội còn lại nhưng lại không đưa ra được cơ sở chứng minh. Mặt khác, tại hai biên nhận “Tờ tự ghi nhận thiếu tiền hội” (BL 02) và “V thiếu tiền hội 2.000” (BL 01) đều ghi rõ ông V có nợ số tiền hội 47.000.000 đồng và 48.000.000 đồng, ông V cũng thừa nhận có ký tên vào các biên nhận này. Do đó, lời trình bày của bà H là có cơ sở được chấp nhận.

Đồng thời căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phương quy định về nghĩa vụ của thành viên khi tham gia hội: “*Thành viên trong họ có lỗi có các nghĩa vụ sau đây: a) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.*” Và tại điểm c khoản 1 Điều 16 quy định: “c.

Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ trong trường hợp đã lĩnh họ trước thành viên khác”.

Ông V là người hốt hui trước thì phải có trách nhiệm góp lại các phần hui cho những hui viên còn lại chưa hốt. Sau khi hốt hui và đến nay đã mãn hui, ông V vi phạm nghĩa vụ góp hui, bà H đã trả số tiền ông V không góp cho các hui viên khác nên cần buộc ông V trả lại cho bà H số tiền hui 95.000.000 đồng như thỏa thuận giao dịch hui giữa các bên là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.750.000 đồng (95.000.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 1, 2 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hui, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Hồng H.

Buộc ông Huỳnh Văn V có trách nhiệm trả cho bà Lâm Hồng H số tiền hui là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn V phải chịu 4.750.000 đồng (bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), (chưa nộp).

Bà Lâm Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lâm Hồng H số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013256 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nH dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nH dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc